TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2022
V/v " Xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Thanh Giang

2. Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung– Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 510/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 2000;
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hiền L, sinh năm 1986;
Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hiền L cưới nhau vào năm 2019 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới anh, chị sống tại xã D (quê của anh L) cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng về sau thì mâu thuẫn đời sống vợ chồng xảy ra nguyên nhân do anh L cọc cằn, nóng tính, cờ bạc, ghen tuông và xãy ra bạo hành chị nhiều lần, nên chị nhận thấy hạnh phúc và tình thương giữa vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Hiền L.

Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Tố M, sinh ngày 11/3/2017 và Nguyễn Đan N, sinh ngày 21/6/2019, hiện nay con đang sống chung với anh L, sau khi ly hôn chị đồng ý các con anh L tiếp tục nuôi con, hàng tháng chị cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng cho mỗi người con.

Về tài sản chung: Không có, không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có

Trong biên bản làm việc ngày 07/01/2021 anh Nguyễn Hiền L có lời trình bày:

Thời gian kết hôn và quá trình chung sống chị Mỹ trình bày là đúng, về quá trình chung sống hai vợ chồng anh chị có hạnh phúc và sống tại gia đình anh, về mâu thuẫn đời sống vợ chồng có xảy ra nhưng anh đã cố gắng sửa chữa để vợ chồng chung sống trở lại. Nay chị M xin ly hôn anh không đồng ý do anh vẫn còn thương vợ con.

Do anh còn thương vợ và con nên sau này Tòa án có giải quyết anh xin vắng mặt

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 51,56,58, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân M đối với anh Nguyễn Hiền L.

Chị M và anh L được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Tố M, sinh ngày 11/3/2017 và cháu Nguyễn Đan N, sinh ngày 21/6/2019 hiện các con đang sống với anh L nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh L; hàng tháng chị M cấp dưỡng nuôi con cho anh L là 1.000.000 đồng/ tháng cho mỗi người con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị M có đơn khởi kiện anh L tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để giải quyết về việc xin ly hôn. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 BLTTDS nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh Nguyễn Hiền L có yêu cầu xét xử vắng mặt anh, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh L chung sống với nhau vào năm 2019 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre là phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị M và anh L có hạnh phúc được một thời gian, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị M trình bày, anh L cờ bạc, nóng tính hay ghen tuông dẫn đến bạo hành, chị đã cố gắng nhịn

nhưng anh Lực vẫn tính nào tật đó không thay đổi nên chị đã bỏ nhà ra đi. Nay chị M nhận thấy tình thương và hạnh phúc vợ chồng không còn nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh L.

Tòa án tiến hành xác minh và làm việc đối với bà Lê Thị Ngọc T (bà T là mẹ ruột của anh L) bà T xác nhận giữa hai vợ chồng L và chị M. Sau khi kết hôn chị M và L sống và ở bên bà và bà có cho phần đất để L và M cất nhà ở riêng. Theo bà biết chị M muốn đi làm, phần L thì không đồng ý mà muốn chị M ở nhà chăm sóc con. Cũng từ đó M đã bỏ nhà ra đi khoảng tháng 6/2021 cho đến nay và bỏ lại 02 người con cho L nuôi dưỡng. Về phần bà lúc nào cũng muốn Xuân M trở về sống với L để cùng lo cho các con. Đối với sui gia giữa hai bên không có xãy ra mâu thuẩn gì. Nay M xin ly hôn tùy theo M và L quyết định bà không có ý kiến.

Như vậy qua xác minh và làm việc người thân của anh L và chị M đã chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân của chị M và anh L có mâu thuẩn nhưng không lớn. Tuy nhiên về phần chị M vẫn cương quyết ly hôn, hiện nay chị M đang thuê nhà trọ bên ngoài để sống và cũng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã động viên, gia đình anh L mong muốn chị M trở về chung sống với anh L cùng lo cho các con nhưng giữa chị M và anh L vẫn không thể hàn gắn để đoàn tụ chung sống trở lại được. Chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh L không thể tồn tại được, bởi tình cảm của chị M đối với anh L không còn, tuy anh L cho rằng còn thương chị M không đồng ý ly hôn, nhưng xét thấy đã có mâu thuẩn trầm trọng, tình thương đã không còn, mục đích hôn nhân giữa chị M và anh L không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định.

[3] Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Tố M, sinh ngày 11/3/2017 và Nguyễn Đan N, sinh ngày 21/6/2019. Hiện cháu M và cháu N đang sống với anh L, sau khi ly hôn anh L được trực tiếp nuôi hai con. Hàng tháng chị M cấp dưỡng nuôi con cho anh L 1.000.000 đồng/ tháng cho mỗi người con. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án cho đến khi cháu M và cháu N tròn 18 tuổi

Vì quyền và lợi ích của con, một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh L cùng khai không có, nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: chị M và anh L cùng khai không có, nên Tòa án không xét đến.

[6] Về án phí: Chị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[7] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Xuân M ly hôn với anh Nguyễn Hiền L.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Tố M, sinh ngày 11/3/2017 và Nguyễn Đan N, sinh ngày 21/6/2019 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; hàng tháng chị M cấp dưỡng nuôi các con cho anh L là 1.000.000 đồng/ tháng cho mỗi người con. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi cháu M và cháu N tròn 18 tuổi.

Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh L cùng khai không nên không xét đến

4. Về nợ chung: Chị M và anh L cùng khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001147 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị M đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị M phải chịu là 300.000 đồng

Chị M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Quới Thành, huyện Châu Thành
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Quốc Tuấn